

Bản án số: **363/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 20-7-2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Lân

Ông Trần Tấn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Linh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 633/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 644/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị H, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Căn cước công dân số: 096174001895, cấp ngày 16/10/2022.

- Bị đơn: Ông Tăng Văn H1, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp I, xã K, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Thái Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Thái Thị H và ông Tăng Văn H1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau ngày 20/4/2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến thường xuyên cự cãi và đã ly thân đến nay khoảng 09 năm. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông H1.

Về con chung: Bà H và ông H1 có 03 người con chung gồm anh Tăng Khánh D (nam), sinh năm 2004, chị Tăng Hằng N (nữ), sinh năm 2006 và anh Tăng Duy K, sinh ngày 10/5/2008. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thái Thị H xác định không có nên

không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Tăng Văn H1 đúng theo quy định pháp luật, nhưng ông H1 không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29/6/2026, nguyên đơn bà Thái Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn ông Tăng Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau) ngày 20/4/2015 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, ông H1 vắng mặt không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà H. Quá trình chung sống, bà H và ông H1 phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân trong khoảng thời gian dài 09 năm; hiện nay bà H không còn tình cảm yêu thương ông H1 và quyết tâm mong muốn được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Trường hợp bà H tiếp tục chung sống với ông H1 sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông H1.

[3] Về con chung: Hiện nay 03 người con chung gồm anh Tăng Khánh D (nam), sinh năm 2004, chị Tăng Hằng N (nữ), sinh năm 2006 và anh Tăng Duy K, sinh ngày 10/5/2008 đã trưởng thành, có khả năng nhận thức và lao động bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Thái Thị H ly hôn với ông Tăng Văn H1.

2. Về con chung: Anh Tăng Khánh D (nam), sinh năm 2004, chị Tăng Hằng N (nữ), sinh năm 2006 và anh Tăng Duy K, sinh ngày 10/5/2008 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thái Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Thái Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 12/6/2026, bà Thái Thị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0007836 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Minh Út